

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 5 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 -6
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc*đính kèm Báo cáo tài chính***BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****1. Giới thiệu về Công ty cổ phần Xây dựng Faros:**

Công ty cổ phần Xây dựng Faros (gọi tắt "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0105167581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 12 năm 2015. Theo đó:

Tên viết tắt: FAROS.,CORP

Vốn Điều lệ của Công ty: **3.037.500.000.000 đồng***(Bằng chữ: Ba nghìn không trăm ba mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng)*

Trụ sở chính: Số 36 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Danh sách cổ đông góp vốn:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ % góp vốn
Doãn Văn Phương	7.762.500	77.625.000.000	2,56%
Trần Thế Anh	9.056.250	90.562.500.000	2,98%
Lê Thành Vinh	10.867.500	108.675.000.000	3,58%
Hương Trần Kiều Dung	10.350.000	103.500.000.000	3,41%
Nguyễn Thiện Phú	9.832.500	98.325.000.000	3,24%
Lê Văn Sắc	9.573.750	95.737.500.000	3,15%
Phạm Thị Hải Ninh	9.832.500	98.325.000.000	3,24%
Nguyễn Văn Thanh	7.762.500	77.625.000.000	2,56%
Lê Tân Sơn	9.056.250	90.562.500.000	2,98%
Trương Văn Tài	23.000.000	230.000.000.000	7,57%
Đặng Thị Hồng	46.000.000	460.000.000.000	15,14%
Phạm Thanh Hương	28.664.325	286.643.250.000	9,44%
Nguyễn Văn Mạnh	37.976.925	379.769.250.000	12,50%
Trịnh Văn Đại	41.315.000	413.150.000.000	13,60%
Hoàng Thị Thu Hà	42.700.000	427.000.000.000	14,06%
Cộng	303.750.000	3.037.500.000.000	100%

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:**Xây dựng và lắp đặt:**

- Các công trình dân dụng;
- Các công trình công nghiệp;
- Các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp;
- Các công trình giao thông;
- Các công trình thủy lợi.

Tư vấn thiết kế:

- Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;

- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế cấp nhiệt, thông hơi, thông gió, điều hòa không khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế phần cơ điện công trình.

Tư vấn và quản lý:

- Các công trình dân dụng;
- Các công trình công nghiệp;
- Các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp;
- Các công trình giao thông;
- Các công trình thủy lợi.

Hoạt động kinh doanh khác:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (trừ loại Nhà nước cấm);
- Giáo dục thể thao và giải trí;
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn đồ uống; Quảng cáo.
- Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động chiếu phim;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ kế toán, bảo vệ, bưu chính);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; phiên dịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Ban lãnh đạo Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|------------|
| 1 Ông Doãn Văn Phương | Chủ tịch |
| 2 Ông Trịnh Văn Đại | Thành viên |
| 3 Ông Nguyễn Văn Mạnh | Thành viên |
| 4 Bà Hoàng Thị Thu Hà | Thành viên |

B Ban Tổng Giám đốc:

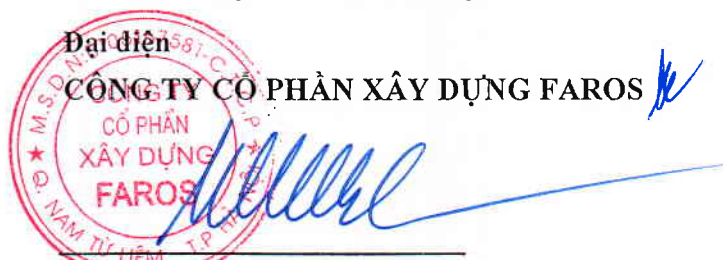
- | | |
|------------------------|-----------------------------|
| 1 Ông Đỗ Như Tuấn | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Đỗ Quang Lâm | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Nguyễn Xuân Tùng | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 Ông Nguyễn Tiến Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 Ông Nguyễn Thiện Phú | Phó TGD kiêm Kế toán trưởng |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Tổng Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty có 02 Nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ của Công ty có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Cụ thể:
Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-FAROS ngày 13/01/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng Faros về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 3.037.500.000.000 đồng lên 3.500.000.000.000 đồng.
Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-FAROS ngày 11/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng Faros về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 3.500.000.000.000 đồng lên 4.300.000.000.000 đồng.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.



Tổng Giám đốc

Đỗ Như Tuấn

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016



Số: 123/2016/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Xây dựng Faros được lập ngày 30/05/2016, từ trang 07 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng Faros tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Lưu ý người đọc Báo cáo tài chính:

Trong năm 2015, đơn vị có ủy thác đầu tư cho một số tổ chức và cá nhân với số tiền là: 3.332.616.363.488 đồng. Một số giao dịch về ủy thác đầu tư trong kỳ phát sinh bằng tiền mặt giá trị lớn.

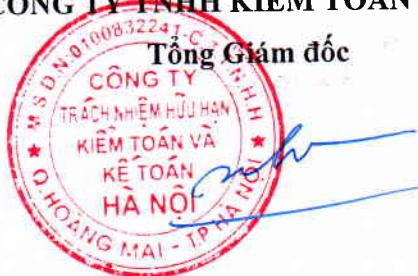
Trong kỳ Công ty có ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính số tiền: 105.740.274.890 đồng. Số tiền này sẽ thu được khi kết thúc thời hạn của hợp đồng ủy thác đầu tư.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty cổ phần Xây dựng Faros giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Báo cáo kiểm toán này thay thế Báo cáo kiểm toán số 79/2016/BCKT/BCTC-CPA HANOI ngày 29/03/2016 do phát hiện khoản mục "Phải thu cho vay ngắn hạn" và "Tài sản dài hạn khác" phân loại chưa phù hợp trên Bảng cân đối kế toán và bổ sung thuyết minh các khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn và dài hạn và thông tin về các bên liên quan.

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 1695-2013-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROSĐịa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.227.025.489.733	27.791.508.658
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		42.451.012.265	27.550.836.625
1. Tiền	111	V.01	42.451.012.265	27.550.836.625
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		238.863.281.670	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	238.863.281.670	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		576.438.442.092	130.980.414
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	52.228.059.898	68.921.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	503.154.297.807	82.735.714
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	21.076.760.687	-
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(20.676.300)	(20.676.300)
IV. Hàng tồn kho	140		342.818.270.719	30.707.174
1. Hàng tồn kho	141	V.07	342.818.270.719	30.707.174
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.454.482.987	78.984.445
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.09	26.454.482.987	78.984.445
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.295.481.260.279	754.033.893.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		105.740.274.890	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	105.740.274.890	-
II. Tài sản cố định	220		39.279.562.947	3.851.609.849
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	39.279.562.947	3.851.609.849
- Nguyên giá	222		42.328.644.139	4.154.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.049.081.192)	(302.935.606)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	52.549.923.341	-
- Nguyên giá	231		53.080.730.647	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(530.807.306)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.326.296.343	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.13	2.326.296.343	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.093.753.081.818	750.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.14	3.093.753.081.818	750.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.832.120.940	182.283.937
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.832.120.940	182.283.937
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.522.506.750.012	781.825.402.444

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.373.309.895.785	555.501.873.967
I. Nợ ngắn hạn	310		1.372.454.895.785	555.501.873.967
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	166.646.066.163	1.177.653.056
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.129.968.567.774	553.762.484.302
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	30.908.054.508	365.843.033
4. Phải trả người lao động	314		8.130.322.496	135.648.291
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	31.534.314.042	20.985.891
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.267.570.802	39.259.394
II. Nợ dài hạn	330		855.000.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	855.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.149.196.854.227	226.323.528.477
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.149.196.854.227	226.323.528.477
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.20	3.037.500.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.037.500.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		111.696.854.227	1.323.528.477
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.323.528.477	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		110.373.325.750	1.323.528.477
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.522.506.750.012	781.825.402.444

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng *neu*

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thảo



Nguyễn Thiện Phú



Đỗ Như Tuấn
Đỗ Như Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	968.896.152.997	12.815.818.844
2. Các khoản giảm trừ	3		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.02	968.896.152.997	12.815.818.844
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	921.507.278.428	9.671.830.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		47.388.874.569	3.143.988.429
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	105.774.004.054	905.934.969
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	50.461.885	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.126.250	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	7.891.340.199	1.711.435.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		145.221.076.539	2.338.488.224
11. Thu nhập khác	31	VI.07	48.050.000	90.458.775
12. Chi phí khác	32	VI.08	41.066.341	90.458.775
13. Lợi nhuận khác	40		6.983.659	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		145.228.060.198	2.338.488.224
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	29.045.612.040	348.296.968
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		116.182.448.158	1.990.191.256
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.10	554	266

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng *ngng*

Nguyễn Thị Thu Thảo

Nguyễn Thiện Phú

Tổng Giám đốc



Đỗ Như Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	145.228.060.198	2.338.488.224
2. Điều chỉnh do các khoản		3.287.349.978	(516.446.333)
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.276.952.892	389.488.636
- Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản			
- mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(33.729.164)	(905.934.969)
- Chi phí lãi vay	06	44.126.250	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(273.124.907.245)	550.621.877.853
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(708.415.371.474)	(82.735.714)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(345.113.859.888)	97.880.403
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,			
- thuế TNDN phải nộp)	11	782.814.355.792	553.919.118.484
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(1.649.837.003)	(63.186.384)
- Tiền lãi vay đã trả	15	(44.126.250)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(135.257.422)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	(580.811.000)	(3.249.198.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(124.609.497.069)	552.443.919.744
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(91.262.692.967)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(238.863.281.670)	(774.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.343.753.081.818)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33.729.164	905.934.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.673.845.327.291)	(749.094.065.031)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	2.812.500.000.000	223.500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	900.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(45.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.813.355.000.000	223.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	14.900.175.640	26.849.854.713
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.550.836.625	700.981.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	42.451.012.265	27.550.836.625

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng *ngb*

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thảo



Nguyễn Thiện Phú




Đỗ Như Tuấn

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của BCTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần Xây dựng Faros (gọi tắt "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0105167581 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 12 năm 2015. Theo đó:

Tên công ty: Công ty cổ phần Xây dựng Faros

Tên giao dịch quốc tế: FAROS CONSTRUCTION CORPORATION (FAROS.,CORP).

Vốn điều lệ: 3.037.500.000.000 đồng (Ba nghìn không trăm ba mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng)

Trụ sở: Số 36 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, đầu tư kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng và lắp đặt:

- Các công trình dân dụng;
- Các công trình công nghiệp;
- Các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp;
- Các công trình giao thông;
- Các công trình thủy lợi.

Tư vấn thiết kế:

- Thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thiết kế cấp nhiệt, thông hơi, thông gió, điều hòa không khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế phân cơ điện công trình.

Tư vấn và quản lý:

- Các công trình dân dụng;
- Các công trình công nghiệp;
- Các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp;
- Các công trình giao thông;
- Các công trình thủy lợi.

Hoạt động kinh doanh khác:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (trừ loại Nhà nước cấm);
- Giáo dục thể thao và giải trí;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
 - Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống;
 - Bán buôn đồ uống; Quảng cáo.
 - Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;
 - Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
 - Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Hoạt động chiếu phim;
 - Hoạt động thể thao khác;
 - Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ kế toán, bảo vệ, bưu chính);
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán);
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: phiên dịch;
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
 - Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar);
 - Đại lý du lịch;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- 4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:** chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty cổ phần Xây dựng Faros áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Xây dựng Faros tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

• Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

• Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 45 năm
Máy móc thiết bị	6 - 12 năm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

Phương tiện vận tải

3 - 8 năm

Thiết bị quản lý

3 - 4 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận khi chắc chắn có được lợi ích trong tương lai và nguyên giá của BĐS đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng, loại nguyên tệ phải trả...

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

11. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền		
<i>Tiền mặt</i>	3.190.290.475	25.945.316.845
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	39.260.721.790	1.605.519.780
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.382.461.627	1.601.406.822
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Cầu Giấy	259.667	259.667
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	3.853.291	3.853.291
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Tây HN	3.487.202	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa	186.369	-
Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sơn, Bình Định	173.366.200	-
Ngân hàng ngoại thương - CN Ba Đình	37.697.107.434	-
Cộng	<u><u>42.451.012.265</u></u>	<u><u>27.550.836.625</u></u>
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Nguyễn Thị Hiên (1)	137.927.445.670	-
Nguyễn Minh Điềm (2)	100.935.836.000	-
Cộng	<u><u>238.863.281.670</u></u>	<u><u>-</u></u>
<p>(1) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư cho Bà Nguyễn Thị Hiên số 01A/2015/HDUTĐT ngày 16/01/2015. Tổng số tiền được ủy thác: 137.927.445.670 đồng, thời hạn ủy thác là 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất ủy thác là 6%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.</p> <p>(2) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư cho Bà Nguyễn Minh Điềm số 04/2015/HDUTĐT ngày 28/05/2015. Tổng số tiền được ủy thác: 100.935.836.000 đồng, thời hạn ủy thác là 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất ủy thác là 6%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.</p>		
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Matrix	68.921.000	68.921.000
Công ty TNHH Hương Giang	35.982.901	-
Công ty CP SXTMDV TB công nghiệp Phương Nam	126.615.951	-
Công ty Cổ phần địa ốc STAR Hà Nội	28.011.598.534	-
Công ty CPĐT xây dựng CN Thiên An	250.475.980	-
Công ty TNHH ĐTTM và XNK VIETEXCO	22.919.784.091	-
Công ty TNHH MTV TM-DV-KT Trường Hòa Phát	742.681.441	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	72.000.000	-
Cộng	<u><u>52.228.059.898</u></u>	<u><u>68.921.000</u></u>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đức Cường (Công trình)	14.469.001.000	-
Công ty TNHH Sen Vàng Hoa Lu(Thicông)	18.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Trường Phát (Thi công)	13.319.698.818	-
Công ty cổ phần Đầu tư AMD Group	42.535.530.000	-
Công ty CP đầu tư XD & phát triển CN Anh Đức	2.477.048.078	-
Công ty CP xây dựng và BĐS An Việt	13.117.689.344	-
Công ty TNHH Kiến trúc APIC	273.928.500	-
Công ty CP Đầu tư và XD Bạch Đằng 8	1.741.947.000	-
Công ty CP ĐT và PT Bắc Hưng Hải	4.560.499.792	-
Công ty TNHH XD Bách Việt	869.000.000	-
Công ty Cp Công Nghệ Bê Bôi	4.000.000.000	-
Công ty TNHH xử lý nền đất yếu Bình Định	17.200.000.000	-
Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Cao Nguyên Xanh Vina	1.891.780.000	-
Công ty CP tư vấn và ĐT XD Bạch Đằng Capital	1.800.000.000	-
Công ty CP Confitech số 3	350.000.000	-
Công ty CP đầu tư và thương mại HT	37.500.000	-
Công ty CP đá Thanh Hoá	4.542.838.115	-
Công ty cổ phần DGI	137.500.000.000	-
Tổng công ty khoáng sản XD dầu khí Nghệ An	1.519.305.542	-
Công ty cổ phần xây lắp- tư vấn đầu tư và kinh doanh vật liệu Đông Á	291.000.000	-
Công ty CP Kiến trúc và XD công trình Đông Dương	2.697.239.084	-
Công ty CP TM & DV Đông Sơn	15.823.720.000	-
Công ty TNHH MTV Đá thể giới- CN Hà Nội	153.885.288	-
Công ty TNHH Đức Cường	226.356.823	-
Công ty TNHH sản xuất và DV TM Đức Hải	300.000.000	-
Công ty TNHH XD và TM Đức Phong	788.600.000	-
Công ty TNHH MTV thương mại xây dựng Dương Việt	163.000.000	-
Công ty CP tư vấn và đầu tư XD ECC	33.756.906.450	-
Công TY TNHH FASCOM	285.732.055	-
Công ty TNHH XD và TM Phú Minh fresh look	2.500.000.000	-
Công ty CP kinh doanh xuất nhập khẩu Gia Ân	42.119.000	-
Công ty TNHH Giang Long	1.262.684.885	-
Công ty TNHH thiết bị và xây lắp Giang Nam	300.000.000	-
Công ty TNHH ĐTXD & TM Sơn Hải Thanh	1.351.738.800	-
Công ty TNHH Hamico Việt Nam	244.136.000	-
Công ty CPXD Hancorp.2	768.124.500	-
Công ty CP TBXD và Thương Mại HDP	26.936.000	-
Công ty TNHH cảnh quan Hoa Biển	59.472.720	-
Tổng công ty ĐTXD Hoàng Long- Công ty CP	23.000.000.000	-
Công ty TNHH TM và VT Tân Hoàng Phát	251.000.000	-
Công ty TNHH TMSX Hoàn Thiện II	768.666.883	-
Công ty CP đầu tư và TM Hành Tinh Xanh	80.021.150	-
Công ty CP đầu tư xây dựng Bình Hưng Phát	2.767.948.000	-
Công ty TNHH Hương Giang	552.595.200	-
Công ty CP kính Lê Giang	50.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hưng Long Vy	1.084.626.000	-
Công ty TNHH LTH	392.278.000	-
Công ty CPTM và kỹ thuật Minh Dương	1.692.000.000	-
Công ty TNHH TM và xây lắp điện Minh Hưng	500.000.000	-
Công ty TNHH XD TM và DV Tân Minh Nhân	25.127.103.835	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROSĐịa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601**Thuyết minh báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty TNHH MIWA	1.326.094.640	-
Công ty TNHH MTV XD và TTNT Mươi Dục	25.540.000.000	-
Công ty TNHH MTV đầu tư Nam Khánh	1.600.000.000	-
Công ty CP Nam Sao	699.140.400	-
Công ty TNHH MTV NAM Sơn	3.260.000.000	-
Công ty CP đầu tư PA Việt Nam	3.021.000.000	-
Công ty TNHH XD và TM Phong Phú A	298.337.400	-
Công ty TNHH Thạch Phú Lộc	6.500.000.000	-
Công ty CP SXTMDV TB công nghiệp Phương Nam	2.865.832.200	-
Công ty CP kỹ thuật Santek	157.338.341	-
Công ty TNHH Sen Vàng Hoa Lư (Komatsu PC 200-7)	-	82.735.714
Công ty CP Home Setting	232.159.000	-
Công ty CP kỹ thuật Sigma	2.422.192.699	-
Công ty CP đầu tư XD và TM Sơn Hải	13.900.000.000	-
Công ty TNHH VT và XD Sơn Tuyết	2.030.000.000	-
Công ty TNHH XD và TM Tam Quan	140.302.000	-
Công ty CPĐTXD và TM Tam Sơn	2.759.475.956	-
Công ty CP thương mại và XD ĐT Tân Phát	80.677.000	-
Công ty CP XD và công nghệ Thành Hưng	1.035.273.900	-
Công ty TNHH Thương Mại Thành Quyên	55.690.000	-
Công ty TNHH DV và TM Thịnh Cường	1.550.000.000	-
Công ty TNHH đầu tư XD Thuận Hải	2.100.000.000	-
Công ty TNHH TM và DV Thu Tâm	129.394.140	-
Công ty CP tập đoàn Tiến Thắng	500.000.000	-
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng hạ tầng Việt Á	1.000.000.000	-
Công ty CPTM và XD Vạn Xuân	3.650.000.000	-
Công ty TNHH Việt Huy	1.699.695.635	-
Công ty TNHH G.Pháp công trường XD DOOSAN VN	240.000.000	-
Công ty Vĩnh Kết (Nhân Công)	1.170.000.000	-
Công ty CP tổng công ty Vĩnh Phú	67.840.300	-
Công ty CP xây dựng VNCO Hà Nội	463.372.800	-
Công ty cổ phần Eurowindow	3.607.624.033	-
Công ty TNHH Đầu tư XD Hoàng Long	18.900.000.000	-
Công ty CP XD và đầu tư Hoàng Thành	550.000.000	-
Vũ Thuý Vân	273.399.297	-
Nguyễn Viết Hùng	170.972.000	-
Vũ Xuân Thành	100.000.000	-
Chu Đức Cường	1.344.000.000	-
Các khách hàng khác	200.829.204	-

Cộng**503.154.297.807****82.735.714****5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	6.999.557.438	-
Phải thu khác	-	-
Dư Nợ TK 3388	3.400.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Địa ốc Alaska	3.400.000.000	-
Dư Nợ TK 334 (Tiền ứng nhân công xây dựng)	10.677.203.249	-
Cộng	21.076.760.687	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Số dự phòng đầu năm	Số trích thêm trong kỳ	Số cuối năm	
		Số hoàn nhập trong kỳ	Số dự phòng cuối kỳ
(20.676.300)	-	-	(20.676.300)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	112.676.257.370	-	30.707.174	-
Hàng hóa	230.142.013.349	-	-	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	342.818.270.719	-	30.707.174	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

8. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn <Công cụ dụng cụ xuất dùng>	1.832.120.940	182.283.937
Cộng	1.832.120.940	182.283.937

9. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	26.446.619.351	78.984.445
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	7.863.636	-
Cộng	26.454.482.987	78.984.445

10. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác (*)	105.740.274.890	-
<i>Công ty TNHH đầu tư TM và XNK DAMEXCO</i>	<i>2.176.684.932</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP đầu tư Fujikaen Việt Nam</i>	<i>992.054.795</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH SX và XNK Huy Hoàng</i>	<i>1.508.424.658</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam</i>	<i>1.594.641.441</i>	<i>-</i>
<i>Công ty cổ phần FLC Travel</i>	<i>414.246.575</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Vân Long</i>	<i>541.917.808</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH ĐTTM và XNK VIETEXCO</i>	<i>3.258.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Nguyễn Quang Trung</i>	<i>12.704.383.562</i>	<i>-</i>
<i>Trần Văn Toàn</i>	<i>13.584.657.534</i>	<i>-</i>
<i>Hồ Thị Hiền</i>	<i>12.652.602.740</i>	<i>-</i>
<i>Nguyễn Thị Hiền</i>	<i>7.845.200.343</i>	<i>-</i>
<i>Nguyễn Minh Diễm</i>	<i>3.467.460.502</i>	<i>-</i>
<i>Nguyễn Thị Hồng Dung</i>	<i>21.600.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Lê Thị Thơm</i>	<i>23.400.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	105.740.274.890	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

(*) Khoản phải thu khác số tiền: 105.740.274.890 đồng là toàn bộ tiền lãi tính trước của các khoản đầu tư ủy thác, như theo các hợp đồng ủy thác thời hạn của hợp đồng ủy thác là 03 năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

11. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>**12. Bất động sản đầu tư <Chi tiết tại phụ lục số 02>****13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
DA 18 Phạm Hùng	145.780.097	145.780.097
Công trình khu công nghiệp Hoàng Long	1.272.699.339	1.272.699.339
Công trình Quảng Bình	410.729.092	410.729.092
Dự án tại Đại Mỗ (Gardent City)	179.656.049	179.656.049
Trạm trộn Vân canh - HN	317.431.766	317.431.766

Cộng**2.326.296.343****2.326.296.343****14. Đầu tư tài chính dài hạn****14.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH đầu tư TM và XNK DAMEXCO (1)	3.093.753.081.818	750.000.000.000
Công ty CP đầu tư Fujikaen Việt Nam (2)	286.200.000.000	-
Công ty TNHH SX và XNK Huy Hoàng (3)	162.000.000.000	-
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam (4)	218.000.000.000	-
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam (4)	207.453.081.818	-
Công ty cổ phần FLC Travel (5)	48.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Vân Long (6)	92.000.000.000	-
Công ty TNHH ĐTTM và XNK VIETEXCO (7)	335.100.000.000	-
Nguyễn Quang Trung (8)	225.000.000.000	-
Trần Văn Toán (9)	400.000.000.000	-
Hồ Thị Hiền (10)	370.000.000.000	-
Nguyễn Thị Hồng Dung (11)	360.000.000.000	360.000.000.000
Lê Thị Thom (12)	390.000.000.000	390.000.000.000

Cộng**3.093.753.081.818****750.000.000.000**

(1) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư số 03/2015/HDUTĐT/FAROS-DMC ngày 26/10/2015, số 09/2015/HDUTĐT/FAROS-DMC ngày 29/10/2015, số 10/2015/HDUTĐT/FAROS-DMC ngày 29/10/2015, số 13/2015/HDUTĐT/FAROS-DMC ngày 10/11/2015 và số 22/2015/HDUTĐT/FAROS-DMC ngày 05/12/2015 cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu DAMEXCO. Tổng số tiền được ủy thác: 286.200.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

(2) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư số 14/2015/HDUTĐT/FAROS-FUJI ngày 16/11/2015 và số 19/2015/HDUTĐT/FAROS-FUJI ngày 18/11/2015 cho Công ty Cổ phần Đầu tư FUJIKAEEN Việt Nam. Tổng số tiền được ủy thác: 162.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

- (3) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư số 05/2015/HDUTĐT/FAROS-HH ngày 28/10/2015, số 11/2015/HDUTĐT/FAROS-HH ngày 29/10/2015, số 15/2015/HDUTĐT/FAROS-HH ngày 16/11/2015, số 20/2015/HDUTĐT/FAROS-HH ngày 01/12/2015 và số 21/2015/HDUTĐT/FAROS-HH ngày 02/12/2015 cho Công ty TNHH Sản xuất và Xuất nhập khẩu Huy Hoàng. Tổng số tiền được ủy thác: 218.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.
- (4) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2015/HDUTĐT/FAROS-NLH ngày 23/10/2015, số 04/2015/HDUTĐT/FAROS-NLH ngày 26/10/2015, số 12/2015/HDUTĐT/FAROS-NLH ngày 03/11/2015, và số 17/2015/HDUTĐT/FAROS-NLH ngày 17/11/2015 cho Công ty TNHH NEWLAND HOLDINGS Việt Nam. Tổng số tiền được ủy thác: 207.453.081.818 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.
- (5) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư số 06/2015/HDUTĐT/FAROS-FLCT ngày 28/10/2015 cho Công ty Cổ phần FLC TRAVEL. Tổng số tiền được ủy thác: 48.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.
- (6) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư số 16/2015/HDUTĐT/FAROS-VL ngày 16/11/2015, và số 18/2015/HDUTĐT/FAROS-VL ngày 18/11/2015 cho Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Vân Long. Tổng số tiền được ủy thác: 92.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.
- (7) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2015/HDUTĐT/FAROS-VIE ngày 13/09/2015, số 07/2015/HDUTĐT/FAROS-VIE ngày 28/10/2015, số 08/2015/HDUTĐT/FAROS-VIE ngày 29/10/2015 và số 13/2015/HDUTĐT/FAROS-VIE ngày 11/11/2015 cho Công ty TNHH ĐTTM và XNK VIETEXCO. Tổng số tiền được ủy thác: 335.100.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết, lãi suất ủy thác cố định 5%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.
- (8) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư cho Ông Nguyễn Quang Trung số 01/2014/HDUTĐT ngày 15/01/2015. Tổng số tiền được ủy thác: 225.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất từ ngày chuyển đủ tiền đến ngày 31/12/2015 là 6%/năm, lãi suất từ ngày 01/01/2016 đến ngày đáo hạn là 4%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.
- (9) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư cho Ông Trần Văn Toàn số 02/2014/HDUTĐT ngày 11/05/2015. Tổng số tiền được ủy thác: 400.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất từ ngày chuyển đủ tiền đến ngày 31/12/2015 là 6%/năm, lãi suất từ ngày 01/01/2016 đến ngày đáo hạn là 4%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.
- (10) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư cho Bà Hồ Thị Hiền số 03/2014/HDUTĐT ngày 27/05/2015. Tổng số tiền được ủy thác: 370.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất từ ngày chuyển đủ tiền đến ngày 31/12/2015 là 6%/năm, lãi suất từ ngày 01/01/2016 đến ngày đáo hạn là 4%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

(11) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư cho Bà Nguyễn Thị Hồng Dung số 03/2014/HDUTĐT ngày 25/08/2014. Tổng số tiền được ủy thác: 360.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất từ ngày chuyển đủ tiền đến ngày 31/12/2014 là 0%/năm, lãi suất từ ngày 01/01/2015 đến ngày đáo hạn là 6%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

(12) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư cho Bà Lê Thị Thơm số 01/2014/HDUTĐT ngày 26/04/2014. Tổng số tiền được ủy thác: 390.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất từ ngày chuyển đủ tiền đến ngày 31/12/2014 là 0%/năm, lãi suất từ ngày 01/01/2015 đến ngày đáo hạn là 6%/năm, lợi tức ủy thác được bên B thanh toán cho bên A vào ngày kết thúc thời hạn ủy thác.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP LD đầu tư quốc tế KLF	283.991.600	-
Công ty CP phát triển công nghệ Lam Sơn(Thi cg)	3.110.237.900	-
Công ty TNHH Giang Long (Thi công)	2.287.972.613	-
Công ty CPTV đầu tư và XD Hưng Thịnh (Nhân công)	83.123.000	-
Công ty cổ phần TP(Xây dựng công trình)	3.703.730.431	-
Công ty TNHH G.Pháp công trường XD DOOSAN VN	240.000.000	-
Công ty TNHH Kiến Trúc XD Hưng Thịnh	114.344.000	-
Công ty CP PTTM và XD Công trình 689	74.382.211	-
Công ty CP tư vấn Xd và TM á Châu	607.086.200	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Anh Hải	304.933.423	-
Công ty CP đầu tư xây lắp và thương mại AT VNam	355.629.992	-
Nhà máy bê tông AMACCAO CN Công ty cổ phần AVIA	109.204.800	-
Công ty TNHH xăng dầu và thủy sản Bầy Cường	1.821.875.020	-
Công ty TNHH bảo hộ lao động Hưng Phát	50.781.940	-
Công ty TNHH Dịch vụ Cây Trồng Quy Nhơn	140.000.050	-
Công ty TNHH TM cơ điện lạnh Tân Phát	74.762.127	-
Công ty TNHH kinh doanh thương mại Chuyên Hiền	90.563.900	-
Công ty CP phát triển công nghệ Lam Sơn	-	137.831.200
Công ty CP đầu tư sản xuất và thương mại Việt An	80.646.500	-
Doanh nghiệp tư nhân Đại Lợi	80.634.615	-
Công ty TNHH G và L Đại Thành	147.707.175	-
Chi nhánh cổ phần công ty Danh Kiệt	182.820.000	-
Công ty TNHH ĐT và PT địa ốc Hai	2.776.053.000	-
Công ty TNHH Đức Cường	-	77.831.100
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đức Lộc	44.087.045	-
Công ty TNHH phát triển công nghệ và TM Gia Long	150.526.000	-
Công ty TNHH Giang Long	-	17.500.000
Doanh nghiệp tư nhân Hải Lam	730.845.000	-
Công ty TNHH vận tải và xây dựng Hải Sơn Hà	742.230.770	-
Công ty CP tư vấn đo đạc và KS XD HDB Việt Nam	708.000.000	-
Công ty CP ĐTXD Hà Nội H & H	2.038.001.000	-
Công ty TNHH XD và TM XNK Hoàng Anh	83.173.077	-
Công ty CP đầu tư Hoàng Dương	81.461.930	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Tùng	647.218.873	-
Công ty TNHH Hoàng Yến Thành	3.209.205.065	-
Công ty TNHH Hồng Phúc	739.117.000	-
Công ty TNHH tổng hợp Hồng Quang	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
 Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty CPTM Thanh Bình (Hut cat)	-	479.129.700
Công ty CP thương mại và đầu tư Hùng Chung	44.964.000	-
Công ty TNHH Hùng Hưng	824.103.464	-
DNTN vận tải và TM Hùng Mạnh	788.905.050	-
Công ty CP tư vấn đầu tư và XD Hưng Thịnh	2.995.316.998	-
Công ty TNHH điện công nghiệp Huy Phương	133.964.589	-
Công ty CP đầu tư và công nghệ XD IBST	282.901.300	-
Cty TNHH đầu tư & quản lý toà nhà ION COMPLEX	235.022.091	-
Công ty CP hóa chất và vật tư khoa học kỹ thuật (CEMACO)	17.635.504.310	-
Công ty TNHH ĐT và XD Kim Cúc	90.755.769	-
Công ty TNHH XD TM KoMix	2.796.300.000	-
Công ty CP đầu tư TM và Kỹ thuật Hoà Bình	12.498.620.814	-
Công ty TNHH một thành viên FLC LAND	1.965.303.468	-
Công ty TNHH XD Lập Thành	2.669.127.979	-
Công ty CP LICOGI 13 nền móng xây dựng	19.688.483.851	-
Doanh nghiệp TNTM Liên Loan	81.745.977	-
Công ty TNHH Long Thành Đạt (D41)	496.672.839	-
Công ty TNHH Công Minh Đức	80.617.308	-
Doanh nghiệp tư nhân thương mại Minh Hạnh	51.343.600	-
Công ty CPĐT XD và TM Minh Hương	-	83.559.000
Công ty TNHH dịch vụ công trình Minh Khang	2.656.395.858	-
Công ty TNHH vận tải và TM Minh lộc	40.000.000	-
Công ty TNHH TM và DV tổng hợp Minh Nguyên	141.500.000	-
Công ty CP ĐT TC và QLTS Magnus capital (RTS)	11.212.358.585	-
Công ty TNHH TM và DL Nam Phát	119.624.000	-
Công ty TNHH đầu tư TM và XD NASA	99.924.000	-
Nghiệp thành 2	514.375.000	-
Công ty CP TM và ĐTXD Ngọc Trinh	279.885.540	-
Công ty TNHH máy Nông ngư nghiệp (CN Tư Thanh)	131.055.220	-
Công ty TNHH Nhất Hà	2.888.536.000	-
Công ty CP truyền thông và Công nghệ OTP FLC VN	36.960.000	-
Công ty TNHH dịch vụ Phú Sĩ	39.600.000	-
Công ty CP Phú Vinh	74.549.200	-
Công ty CP thiết bị Quang Anh	359.610.752	20.439.000
Công ty TNHH vận tải và TM Quốc Bảo Nghệ An	58.000.000	-
Công ty TNHH Sen Vàng Hoa Lư (Komatsu PC 200-7)	414.764.286	-
Công ty CP TM và DL SIS Việt Nam	28.402.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Song Hữu	232.368.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và SX Minh Đức	492.134.547	-
Công ty TNHH Tân Hưng	263.790.879	-
Công ty CP thương mại và XD ĐT Tân Phát	-	10.098.075
Công ty TNHH MTV Tân Thành 9	200.475.800	-
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại TBN	666.104.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật công nghệ Techco	293.007.550	-
Công ty TNHH TM dịch vụ XD Thái Hàn	181.291.000	-
Công ty TNHH Thương Mại và đầu tư Thành An	151.459.000	-
Công ty CP TM Thanh Bình	3.268.152.654	180.474.980
Công ty TNHH Hải sản và DVDL Thành Đạt	1.863.061.602	-
Công ty TNHH Thanh Sơn	2.611.578.500	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROSĐịa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty TNHH Thành Đồng	1.605.405.443	-
Công ty TNHH Thế Sơn	2.921.440.000	-
Công ty CPĐT xây dựng CN Thiên An	496.422.200	-
Công ty TNHH thiết bị điện Thiên Trường	35.148.924	-
Công ty CP TM và XD Thịnh Anh	296.257.971	-
Công ty TNHH MTV TM và DV Thuận Lập	112.403.846	-
Công ty TNHH TM và sản xuất Tín Thành	207.025.006	-
Công ty TNHH TM Loan Hà	273.382.076	-
Công ty TNHH XD và TM Sơn Tuyết	221.778.845	-
Công ty CP Kỹ thuật XD và Thương mại VN	759.790.271	-
Công ty TNHH Toàn Hường	243.830.674	-
Công ty cổ phần TP	121.455.077	-
Doanh nghiệp tư nhân Trần Hoàn	591.937.298	-
Công ty TNHH MTV TM DV KT Trường Hoà Phát	2.121.265.600	-
Công ty TNHH Trí Thư	327.056.625	-
Công ty TNHH cơ khí cơ khí ô tô Trường Hải	59.971.154	-
CTy TNHH Đầu Tư Dịch vụ Thương Mại Trường Ngân	639.500.000	-
Công ty TNHH vận tải Trường Phát	24.669.364.100	-
Công ty TNHH xây dựng môi trường Trường Thi	177.505.495	89.861.539
Công ty TNHH Văn Hiệp	357.350.000	-
Công ty TNHH chế biến lâm sản Vạn Lộc	472.289.180	-
Công ty TNHH đá xây dựng VIC	842.021.955	-
Công ty TNHH Viên Phương	118.000.000	-
Công ty TNHH G.Pháp công trường XD DOOSAN VN	-	20.928.462
Công ty CPXD và ĐT Vinacona	2.519.199.900	-
Công ty TNHH Vĩnh Lợi	243.725.962	-
Công ty CP VL mới và hóa phẩm XD Thăng Long	424.789.440	-
Công ty TNHH VSL Việt Nam	291.427.512	-
Công ty TNHH SX TM Vương Minh	5.077.011.647	-
Công ty TNHH Xuân Hiếu	78.190.002	-
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	23.960.000	-
Công ty CP dịch vụ y tế Hà Thành	15.540.000	-
Lê Thị Hiền	77.700.000	-
Lê Đình Hoàng	97.000.000	-
Đình Hoàng Ân	49.620.000	-
Hà Văn Vân	285.823.000	-
Trần Thị Phượng	276.732.000	-
Viện chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng	39.000.000	-
Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Toàn Cầu	21.450.000	-
Công ty bảo hiểm BIDV Bình Định	13.878.000	-
Công ty cổ phần ENMAX	38.995.000	-
Công ty CP dịch vụ bảo vệ Sơn Bình - SHB	22.586.667	-
Công ty TNHH vận tải và thương mại Hòa Phát	399.802.000	-
Công ty cổ phần tập đoàn FLC	90.000.000	60.000.000
Các khách hàng khác	316.069.656	-
Cộng	166.646.066.163	1.177.653.056

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROSĐịa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601**Thuyết minh báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH xử lý nền đất yếu Bình Định	97.000.000	-
Cty TNHH đầu tư & quản lý toà nhà ION COMPLEX (1)	96.764.469.552	-
Công ty cổ phần tập đoàn FLC (2.1), (2.2)	1.033.107.098.222	553.762.484.302
Cộng	1.129.968.567.774	553.762.484.302

(1) Khoản Công ty TNHH đầu tư & quản lý toà nhà ION COMPLEX trả trước số tiền: 96.764.469.552 đồng: Theo hợp đồng số 11/2015/HĐTC/ION-FAROS ngày 10/6/2015 thi công xây dựng kết cấu phần thân, hoàn thiện và cơ điện, dự án FLC complex, 36 Phạm Hùng. Tổng giá trị hợp đồng 572.761.136.000 đồng. Điều khoản thanh toán: tạm ứng 30%; Tại bất kỳ thời điểm nào có quyền thanh toán nếu giá trị hoàn thành không nhỏ hơn 500 triệu. Thu hồi tạm ứng hết khi đạt 85% giá trị hoàn thành, tỷ lệ thu hồi 30% mỗi lần. 15% còn lại thanh toán khi có đầy đủ hồ sơ quyết toán.

(2.1) Khoản Công ty cổ phần tập đoàn FLC trả trước số tiền: 938.309.613.350 đồng, Theo hợp đồng 705/2014/HĐTCXC/FLC-VINHHA ngày 7/5/2014 cung cấp vật tư và thi công hạ tầng kỹ thuật khu biệt thự giai đoạn I; dự án Sầm Sơn; địa điểm: xã Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tổng Giá trị hợp đồng: 1.306.093.771.000 đồng. Điều khoản thanh toán: Tạm ứng 30% theo từng giá trị phụ lục. Thanh toán từng đợt, tới 85% giá trị khối lượng hoàn thành các đợt. 15% còn lại thanh toán khi có đầy đủ hồ sơ quyết toán.

(2.2) Công ty cổ phần tập đoàn FLC trả trước cho dự án Nhon Lý Bình Định: 210.812.441.544 đồng. Theo hợp đồng số 181/201/HĐTC/BD/FLC-FAROS ngày 2/6/2015, thi công xây dựng và hoàn thiện. Dự án quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp Nhon Lý. Địa điểm: xã Nhon Lý, TP. Quy Nhơn,

Ngoài ra Công ty cổ phần tập đoàn FLC phải trả của Công ty Cổ phần xây dựng Faros về dự án 265 Cầu Giấy và các dự án khác số tiền: 116.014.956.672 đồng.

Như vậy Khoản Công ty cổ phần tập đoàn FLC trả trước số tiền: 1.033.107.098.222 đồng = 938.309.613.350 đồng + 210.812.441.544 đồng - 116.014.956.672 đồng.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	348.296.968	29.045.612.040	135.257.422	29.258.651.586
Thuế thu nhập cá nhân	17.546.065	1.649.402.922	17.546.065	1.649.402.922
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	365.843.033	30.695.014.962	152.803.487	30.908.054.508

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	61.886.716	20.643.791
Bảo hiểm xã hội	544.037.590	342.100
Bảo hiểm y tế	66.273.030	-
Bảo hiểm thất nghiệp	29.454.680	-
Phải trả phải nộp khác	30.629.315.635	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROSĐịa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601**Thuyết minh báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty CP truyền thông và Công nghệ OTP FLC VN	25.621.000.000	-
Doãn Văn Phương	5.000.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Hương	1.980.000	-
BHXH Quận Nam Từ Liêm	6.335.635	-
Dư Có TK 141	203.346.391	-
Cộng	31.534.314.042	20.985.891

19. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	855.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Tây Hà Nội	855.000.000	-
Cộng	855.000.000	-

Khoản vay dài hạn Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTD/NHCT146-Faros ngày 08/07/2015; số tiền giải ngân năm 2015: 900 triệu VNĐ, mục đích sử dụng: thanh toán tiền mua 2 xe Ford Ranger 4x4 XLT theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 283/2015/HĐMB ký ngày 16/6/2015, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm. Thế chấp bằng trị giá 2 xe ô tô trên.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 03>

20. Vốn chủ sở hữu**20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 04>****20.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Công ty Cổ phần FLC TREVEL	-	1.200.000.000
2 Lê Đình Vinh	-	150.000.000
3 Doãn Văn Phương	77.625.000.000	150.000.000
4 Trần Thế Anh	90.562.500.000	-
5 Lê Thành Vinh	108.675.000.000	-
8 Hương Trần Kiều Dung	103.500.000.000	-
6 Nguyễn Thiện Phú	98.325.000.000	-
7 Lê Văn Sắc	95.737.500.000	-
8 Phạm Thị Hải Ninh	98.325.000.000	-
9 Nguyễn Văn Thanh	77.625.000.000	-
10 Lê Tân Sơn	90.562.500.000	-
11 Trương Văn Tài	230.000.000.000	-
12 Đặng Thị Hồng	460.000.000.000	-
13 Phạm Thanh Hương	286.643.250.000	-
14 Nguyễn Văn Mạnh	379.769.250.000	104.300.000.000
15 Trịnh Văn Đại	413.150.000.000	74.500.000.000
16 Hoàng Thị Thu Hà	427.000.000.000	44.700.000.000
Cộng	3.037.500.000.000	225.000.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	225.000.000.000	1.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	2.812.500.000.000	223.500.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	3.037.500.000.000	225.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	303.750.000	22.500.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	303.750.000	22.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>303.750.000</i>	<i>22.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	303.750.000	22.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>303.750.000</i>	<i>22.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	177.570.118.588	-
Doanh thu hoạt động xây dựng	791.260.579.864	12.345.014.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.545	470.804.573
Cộng	968.896.152.997	12.815.818.844

Các khoản giảm trừ doanh thu**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	177.570.118.588	-
Doanh thu hoạt động xây dựng	791.260.579.864	12.345.014.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.545	470.804.573
Cộng	968.896.152.997	12.815.818.844

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	173.810.058.145	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	747.166.561.639	9.671.830.415
Giá vốn dịch vụ	530.658.644	-
Cộng	921.507.278.428	9.671.830.415

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
 Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2015

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
 Lãi ủy thác đầu tư

Cộng

Năm nay	Năm trước
33.729.164	905.934.969
105.740.274.890	-
105.774.004.054	905.934.969

5. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay
 Lãi chậm trả

Cộng

Năm nay	Năm trước
44.126.250	-
6.335.635	-
50.461.885	-

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên
 Chi phí đồ dùng văn phòng
 Chi phí khấu hao TSCĐ
 Thuế phí và lệ phí
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
4.091.618.715	93.024.031
281.404.574	18.305.672
-	53.097.229
465.942.041	11.451.726
1.014.299.427	119.041.942
2.038.075.442	1.416.514.574
7.891.340.199	1.711.435.174

7. Thu nhập khác

Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
48.050.000	90.458.775
48.050.000	90.458.775

8. Chi phí khác

Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
41.066.341	90.458.775
41.066.341	90.458.775

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trước thuế:

Các khoản điều chỉnh tăng:
 Các khoản điều chỉnh giảm:
 - Lỗ từ các năm trước chuyển sang

Tổng thu nhập chịu thuế:

Thuế suất thuế TNDN:

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành,

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.

Thuế TNDN phải nộp

Năm nay	Năm trước
145.228.060.198	2.338.488.224
-	-
-	-
-	597.003.385
145.228.060.198	1.741.484.839
20%	20%
29.045.612.040	348.296.968
-	-
29.045.612.040	348.296.968

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông
Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	116.182.448.158	1.990.191.256
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	209.532.517	7.475.833
Lãi trên cổ phiếu	554	266

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao TSCĐ
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	255.175.662.058	3.641.101.186
Chi phí nhân công	40.195.101.785	233.723.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.746.145.586	302.935.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.251.103.813	5.157.515.392
Chi phí khác	87.025.272.244	238.674.724
Cộng	750.393.285.486	9.573.950.012

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính:****1.1. Quản lý rủi ro:**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.451.012.265	27.550.836.625
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	73.304.820.585	68.921.000
Đầu tư ngắn hạn	238.863.281.670	-
Đầu tư dài hạn	3.093.753.081.818	750.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-

Công nợ tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	855.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	198.180.380.205	1.198.638.947
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tin dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	198.180.380.205	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	855.000.000

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty có 02 Nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ của Công ty có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Cụ thể:

Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT-FAROS ngày 13/01/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng Faros về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 3.037.500.000.000 đồng lên 3.500.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-FAROS ngày 11/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng Faros về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 3.500.000.000.000 đồng lên 4.300.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày 20/04/2016 Công ty có số vốn 4.300.000.000.000 đồng và có 114 cổ đông và trở thành Công ty đại chúng. Công ty đang làm thủ tục đăng ký Công ty đại chúng với UBCK Nhà nước.

3. Thông tin về các bên liên quan:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

3.1 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT	197.960.000
Ông Đỗ Như Tuấn	Tổng Giám đốc	300.000.000
Ông Nguyễn Thiện Phú	Phó Tổng Giám đốc	210.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	352.290.612
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Phó Tổng Giám đốc	108.530.612
Tổng cộng		1.168.781.224

3.2 Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (131)			
Công ty cổ phần địa ốc STAR Hà Nội	Hương Trần Kiều Dung - CT HĐQT	28.011.598.534	-
Phải thu khác (dư nợ TK 338)			
Công ty cổ phần đầu tư Địa ốc Alaska	Hương Trần Kiều Dung - CT HĐQT	3.400.000.000	-
3.3 Các khoản phải trả			
Các khoản phải trả khách hàng (TK 331)			
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	Hương Trần Kiều Dung - Tổng GD	90.000.000	-
Cty TNHH đầu tư & quản lý toà nhà ION COMPLEX	Hương Trần Kiều Dung - CT HĐTV	235.022.091	-
Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF	Nguyễn Văn Thanh - CT HĐTV	283.991.600	-
Công ty TNHH một thành viên FLC LAND	Hương Trần Kiều Dung - Tổng GD	1.965.303.468	-
3.4 Đầu tư ủy thác (TK 228)			
Công ty CP đầu tư Fujikaen Việt Nam	Nguyễn Văn Mạnh - CT HĐTV	162.000.000.000	-
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam	Lê Tân Sơn - TGD	207.453.081.818	-
Công ty Cổ phần FLC Travel	Hương Trần Kiều Dung - Tổng GD	48.000.000.000	-
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Vân Long	Phạm Thị Hải Ninh - CT HĐTV	92.000.000.000	-

Ghi chú: Bà Hương Trần Kiều Dung, Ông Nguyễn Văn Thanh, Ông Nguyễn Văn Mạnh, Ông Lê Minh Sơn và Bà Phạm Thị Hải Ninh là các thành viên góp vốn của Công ty Faros và là chủ tịch hay Tổng Giám đốc của các công ty trên.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Fià Nội và được phân loại lại theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/BTC-TT ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

6. Những thông tin khác

6.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,13	3,55
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,87	96,45
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,37	71,05
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	69,63	28,95
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	3,29	1,41
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,89	0,05
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,03	0,05
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	14,99	18,25
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	11,99	15,53
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,21	0,30
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,57	0,25
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	6,9%	1,75%

6.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thảo

Kế toán trưởng *nuv*



Nguyễn Thiện Phú

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2016



Tổng Giám đốc



Đỗ Như Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	-	4.154.545.455	-	-	4.154.545.455
- Mua trong năm	-	36.576.472.203	1.597.626.481		38.174.098.684
- XDCB hoàn thành	-				-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-				-
Số dư cuối năm	-	40.731.017.658	1.597.626.481	-	42.328.644.139
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	302.935.606	-	-	302.935.606
- Khấu hao trong năm	-	2.636.368.103	109.777.483		2.746.145.586
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	-	2.939.303.709	109.777.483	-	3.049.081.192
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	3.851.609.849	-	-	3.851.609.849
- Tại ngày cuối năm	-	37.791.713.949	1.487.848.998	-	39.279.562.947

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 1.200.000.000 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 02: Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản cho thuê				
Nguyên giá		53.080.730.647	-	53.080.730.647
- Nhà và quyền sử dụng đất		53.080.730.647		53.080.730.647
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị hao mòn lũy kế		530.807.306	-	530.807.306
- Nhà và quyền sử dụng đất		530.807.306		530.807.306
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại		52.549.923.341	-	52.549.923.341
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất		52.549.923.341		
- Cơ sở hạ tầng				
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: không

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 03: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay

Nội dung	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng cộng	855.000.000	855.000.000	900.000.000	45.000.000	-	-
Vay dài hạn	855.000.000	855.000.000	900.000.000	45.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Tây Hà Nội	855.000.000	855.000.000	900.000.000	45.000.000	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FAROS

Địa chỉ: Số 36 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 04 32242600 - Fax: 04 32242601

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 03: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	1.500.000.000	-	-	(597.003.385)	902.996.615
- Tăng vốn trong năm trước	223.500.000.000	-	-	-	223.500.000.000
- Lãi trong năm trước		-	-	1.990.191.256	1.990.191.256
- Tăng khác		-	-	-	-
- Phân phối trong năm trước		-	-	69.659.394	69.659.394
- Lỗ trong năm trước		-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-
2. Số dư cuối năm trước	225.000.000.000	-	-	1.323.528.477	226.323.528.477
3. Số dư đầu năm nay	225.000.000.000	-	-	1.323.528.477	226.323.528.477
- Tăng vốn trong kỳ này	2.812.500.000.000	-	-	116.182.448.158	116.182.448.167
- Lãi trong kỳ		-	-	-	-
- Tăng khác		-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ		-	-	5.809.122.408	-
+ Trả cổ tức		-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ		-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	5.809.122.408	-
4. Số dư cuối kỳ	3.037.500.000.000	-	-	111.696.854.227	3.149.196.854.227